TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - LÀO CAI** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40**/2026/HNGĐ - ST
Ngày 24 - 4 - 2026
V/v: *Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LÀO CAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Long

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Trung Hải;

2. Ông Đặng Phúc Minh.

***-Thư ký phiên tòa*:** Ông Lý A Dà - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Hà Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026 Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2026/TLST - HNGĐ, ngày 09/4/2026 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2026/QĐXX ST- HNGĐ ngày 10/4/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Giàng Thị D**, sinh năm 19xx; số định danh cá nhân: 01518601xxxx; địa chỉ: Bản H, xã L, tỉnh Lào Cai.

- Bị đơn: Anh **Sùng A S**, sinh năm 19xx; số định danh cá nhân: 01508100xxxx; địa chỉ: Bản Bản H, xã L,, tỉnh Lào Cai.

Các đương sự vắng mặt - Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và Biên bản lấy lời khai chị Giàng Thị D trình bày: Chị và anh Sùng A Su chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới anh chị chung sống tại tại thôn H, xã L, tỉnh Lào Cai. Trong cuộc sống chung do tính tình không hợp, vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, chị D và anh S đã sống ly thân từ năm 2025 cho đến nay. Nay chị D xác định không còn tình cảm với anh S nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Su.

Về con chung: Chị Giàng Thị D khai có 03 con chung với anh Sùng A S là Sùng Thị S1, sinh này 07/10/20xx, Sùng Thị B, sinh ngày 02/01/20xx và Sùng A T, sinh ngày 11/7/20xx. Chị D nhận nuôi dưỡng con chung là Sùng Thị S1, để anh S

nuôi dưỡng hai con là Sùng Thị B và Sùng A T, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh Su.

Con chung trên 07 tuổi là Sùng Thị S1 có nguyện vọng được chị Giàng Thị D chăm sóc nuôi dưỡng. Con chung trên 07 tuổi là Sùng Thị B có nguyện vọng được ở cùng Anh Sùng A S.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai anh Sùng A S trình bày: Việc chung sống và mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đúng như chị Giàng Thị D trình bày. Anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung đúng như chị D trình bày. Anh S có nguyện vọng nhận trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Sùng Thị B và Sùng A T, để chị Giàng Thị D nuôi dưỡng con Sùng Thị S1, không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh S không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14 và Điều 53, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị D và anh Sùng A S.

+ Về con chung: Chị Giàng Thị D và anh Sùng A S có 03 con chung là Sùng Thị S1, sinh này 07/10/20xx, Sùng Thị B, sinh ngày 02/01/20xx và Sùng A T, sinh ngày 11/7/2024. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung Sùng Thị S1 cho chị D nuôi dưỡng, giao con Sùng Thị B và Sùng A T cho anh Sùng A S trực tiếp nuôi dưỡng. không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Giàng Thị D được miễn nộp tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Giàng Thị D và anh Sùng A S đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn H, xã L, tỉnh Lào Cai vụ án do Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa chị Giàng Thị D và anh Sùng A S vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự do đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Giàng Thị D và anh Sùng A S.

[3] *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Giàng Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Sùng A S. Anh chị sống chung như vợ chồng từ năm 2010, nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên xác định đây là quan hệ tranh chấp "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị D và anh S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn theo khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nội dung điều luật ghi "Việc kết hôn phải được đăng ký do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Chị D và anh S chung sống như vợ chồng từ năm 2010, đến tháng 7/2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị Dà yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh S. Chị D và anh S không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng; việc giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn sẽ được Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh S.

[4] *Về con chung*: Chị Giàng Thị D và anh Sùng A S có 03 con chung là Sùng Thị S1, sinh này 07/10/20xx, Sùng Thị B, sinh ngày 02/01/20xx và Sùng A T, sinh ngày 11/7/20xx. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án chị D và anh S tự thỏa thuận chị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung Sùng Thị S1, anh S trược tiếp nuôi dưỡng hai con Sùng thị B và Sùng A T, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Việc chị D và anh Su thỏa thuận nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, cần được công nhận.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị D và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị D là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực đặc biệt khó khăn có đơn xin được miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí;

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị D và anh Sùng A S.

2. Về con chung Chị Giàng Thị D và anh Sùng A S có 03 con chung là Sùng Thị S1, sinh này 07/10/20xx, Sùng Thị B, sinh ngày 02/01/20xx và Sùng A T, sinh ngày 11/7/20xx. Chị Dà trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con Sùng Thị S1, anh Sùng A S trực tiếp nuôi dưỡng hai con Sùng Thị B và Sùng A T, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Giàng Thị Dà được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Giàng Thị D và anh Sùng A S có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 4, tỉnh Lào Cai;
- Phòng THADS khu vực 4, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- UBND xã Lao Chải;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thành Long